

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 30-7- 2019

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán  
theo hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Cư

2. Bà Bùi Thị Cẩm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH Một thành viên ngân hàng Việt Nam T

Địa chỉ: T, R, số A, Đ, phường X, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức vụ: chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H, chức vụ: trưởng nhóm tố tụng-phòng thu hồi nợ pháp lý-Trung tâm thu hồi nợ;

Người được bà H ủy quyền lại: Bà Trương Thị Tường V, sinh năm 1992

Địa chỉ liên hệ: KDC số F, tổ dân phố U, thị trấn N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Cao Văn S, sinh năm 1986;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đại diện nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T, bà Trương Thị Tường V trình bày:

Vào ngày 06/4/2016, ông Cao Văn S có ký hợp đồng tín dụng số 20160409-500000-0527 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 27.430.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng) với thỏa thuận lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Cao Văn S có trách nhiệm thanh toán số tiền 42.070.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.754.000 đồng, tháng cuối cùng 1.728.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 11/05/2019.

Thực hiện hợp đồng ông Sanh đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T 3 lần với tổng số tiền đã trả 5.263.000 đồng. Kể từ ngày 11/8/2019 đến nay, ông Cao Văn S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do ông S trễ hạn thanh toán nên Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: nợ gốc: 25.171.251 đồng, nợ lãi: 11.635.749 đồng.

*Bị đơn ông Cao Văn S* nhận các thông báo của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ hợp lệ nhưng ông S không có ý kiến cho Tòa án biết.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L* nhận các thông báo của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ hợp lệ nhưng bà L không có ý kiến cho Tòa án biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Về tố tụng: Ngày 07 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu ông Cao Văn S ở thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Cao Văn S và người liên quan bà Huỳnh Thị L triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[ 2] Về nội dung:

Theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160409-500000-0527 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T và bị đơn ông Cao Văn S thì phía Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đã cho ông Cao Văn S vay 27.430.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) với thỏa thuận lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 11/4/2016. Như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Tuy nhiên ông S chỉ thực hiện việc trả nợ trong 3 tháng với số nợ gốc đã trả là 2.258.749 đồng, số nợ lãi đã trả là 3.004.251 đồng, sau đó ông S không tiếp tục trả nợ cho phía Công ty. Do vậy việc Công ty yêu cầu bị đơn phải trả nợ là hoàn toàn có căn cứ.

Mục đích của việc vay là mua xe máy để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, do vậy căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, bà Huỳnh Thị L là vợ của ông S phải có trách nhiệm cùng ông S trả nợ.

Do vậy Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu ông S, bà L phải thanh toán số tiền gốc và lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng ông Cao Văn S, bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.840.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T. Buộc ông Cao Văn S và bà Huỳnh Thị L phải

trả số tiền tổng cộng 36.807.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 25.171.251 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi một đồng), nợ lãi: 11.635.749 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng) cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: ông Cao Văn S và bà Huỳnh Thị L cùng phải chịu 1.840.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T (Ngân hàng Việt Nam T) 920.000 đồng (chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001650 ngày 15 - 01 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T, ông Cao Văn S và bà Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Kha**